TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 656/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18-9-2025
V/v "ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Thái**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Lương Thị Kim Nghĩa**;

2. Bà **Trần Thị Hiền**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Thanh Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa*: Bà **Hồ Thị Vân** – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 372/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2025 về việc "ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 267/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Q, sinh năm 19xx

Địa chỉ: Căn hộ 11.31, Chung cư Đ, phường A, Thành phố M. (có yêu cầu vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông Trần Thiện P, sinh năm 19xx

Địa chỉ: số 413/41/3/10, đường L, phường Đ, Thành phố M. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 20/3/2025, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 22/4/2025 và bản tự khai nộp cho Tòa án, nguyên đơn Bà Dương Thị Q trình bày: Bà và Ông Trần Thiện P kết hôn với nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện M, tỉnh G theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 16/7/2002; thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn, ông P vay nợ bên ngoài xã hội rất nhiều lần, thậm chí có thời điểm xã hội đen đến tận nhà đòi nợ, nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện tại, ông P làm nghề lái xe dịch vụ, thường xuyên đi sớm về khuya, nên đời sống vợ chồng không hạnh phúc, bỏ mặc vợ con không thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau; vợ chồng không có tiếng nói chung, không hợp nhau; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống

chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Q thường xuyên mất ngủ, rơi vào trầm cảm trầm trọng làm ảnh hưởng đến công việc hằng ngày; đến nay, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Bà Q khai vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Trần Phương Diệu U, sinh ngày 21/11/20xx và Trần Phương Diệu O, sinh ngày 29/4/20xx, đều đã thành niên.

Về tài sản chung: Bà Q trình bày quá trình chung sống, vợ chồng có tài sản chung, gồm:

- Quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tọa lạc số 413/41/3/10, đường L, phường Đ, Thành phố M theo Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CB 104156, số vào sổ cấp GCN: CH 15338 do Ủy ban nhân dân quận Tcấp ngày 30/6/2015; khi ly hôn Bà Q yêu cầu được chia đôi và được nhận một nửa đối với tài sản này.

- 01 xe ô tô 7 chỗ biển số xxE-xxx.xx do Phòng Cảnh sát giao thông Công an Thành phố M cấp ngày 14/3/2022; khi ly hôn Bà Q yêu cầu được chia đôi và được nhận một nửa đối với tài sản này.

Về nợ chung: Bà Q trình bày quá trình chung sống, vợ chồng có nợ 1.760.000.000 đồng của Phòng giao dịch số 3, chi nhánh Ngân hàng V Khu Công nghiệp X theo hợp đồng số: 1903-LAV-202300317, ngày 30/8/2023; khi ly hôn Bà Q yêu cầu chia đôi số tiền nợ, mỗi người trả một nửa cho Ngân hàng.

Tại Bản tự khai ngày 27/5/2025 kèm theo các tài liệu, chứng cứ nộp cho Tòa án, Ngân hàng V trình bày:

Bà Dương Thị Q và Ông Trần Thiện P có vay vốn tại V chi nhánh KCN X theo Hợp đồng tín dụng số 1903-LAV-202300317 ngày 30/8/2023; hiện nay khoản nợ của Bà Dương Thị Q và Ông Trần Thiện P theo Hợp đồng tín dụng nêu trên đã hết dư nợ; do đó, đề nghị Tòa án xem xét không triệu tập Ngân hàng V tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Ngày 01/7/2025, Bà Dương Thị Q có Đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó Bà Q rút lại yêu cầu chia tài sản đối với tài sản chung là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất ở tọa lạc số 413/41/3/10, đường L, phường Đ, Thành phố M và xe ô tô 7 chỗ biển số xxE-xxx.xx; rút lại yêu cầu chia đôi khoản nợ phải thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 1903-LAV-202300317 ngày 30/8/2023; xác định tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận và nợ chung không có.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Ông Trần Thiện P không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên không thể ghi nhận được ý kiến của ông P.

Nguyên đơn có yêu cầu vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Tòa án đã thực hiện đúng quy định về quá trình thụ lý và giải quyết vụ án; tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục và trình tự phiên tòa quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị

Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và đình chỉ đối với yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung, nợ chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Bà Dương Thị Q có đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn Ông Trần Thiện P; bị đơn hiện cư trú tại phường Đ, Thành phố M nên căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Bà Dương Thị Q có Đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt và bị đơn Ông Trần Thiện P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt Bà Q và ông P.

Quá trình giải quyết vụ án, do Bà Q, ông P đã thanh toán xong khoản tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng số 1903-LAV-202300317 ngày 30/8/2023; được Ngân hàng V xác nhận đồng thời đề nghị Tòa án không đưa Ngân hàng V tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; do đó, Hội đồng xét xử không đưa Ngân hàng V vào vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Q và Ông Trần Thiện P kết hôn, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện M, tỉnh G theo giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 16/7/2002 nên có đủ căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Q và ông P là hợp pháp;

Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do ông P vay nhiều nợ bên ngoài, vợ chồng thường xuyên cãi vã; ông P bỏ mặc không chăm sóc vợ con nên Bà Q bị trầm cảm, ảnh hưởng đến công việc;

Xét, mâu thuẫn vợ chồng của Bà Q và ông P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận cho Bà Q được ly hôn với ông P, điều này phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà Quyên khai vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Trần Phương Diệu U, sinh ngày 21/11/2003 và Trần Phương Diệu O, sinh ngày 29/4/2006, đều đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung và nợ chung:

Ngày 01/7/2025, Bà Q có Đơn xin rút lại yêu cầu khởi kiện chia tài sản đối với tài sản chung là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất ở tọa lạc số 413/41/3/10, đường L, phường Đ, Thành phố M và xe ô tô 7 chỗ biển số xxE-xxx.xx; rút lại yêu cầu chia đôi khoản nợ phải thanh toán theo Hợp đồng tín

dụng số 1903-LAV-202300317 ngày 30/8/2023; xét, Bà Q rút lại các yêu cầu nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với các yêu cầu này theo quy định tại Điều 217 và Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; theo đó:

Về tài sản chung: Bà Q trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Bà Dương Thị Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 273 và Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Áp dụng Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Dương Thị Q.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị Q được ly hôn với Ông Trần Thiện P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 28 ngày 16/7/2002 do Ủy ban nhân dân thị trấn K, huyện M, tỉnh G cấp không còn giá trị.

1.2. Về con chung: có 02 (hai) con chung tên Trần Phương Diệu U, sinh ngày 21/11/20xx và Trần Phương Diệu O, sinh ngày 29/4/20xx, đều đã thành niên.

1.3. Về tài sản chung: Bà Q trình bày tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4 Về nợ chung: Bà Q khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Bà Dương Thị Q về việc yêu cầu: chia tài sản đối với tài sản chung là căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất ở tọa lạc số 413/41/3/10, đường L, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh và xe ô tô 7 chỗ biển số xxE-xxx.xx; chia đôi khoản nợ phải thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số 1903-LAV-202300317 ngày 30/8/2023.

3. Về án phí: Bà Dương Thị Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình, được trừ vào 41.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0076994 ngày 09/4/2025; số

0076995 ngày 09/4/2025 và số 0077175 ngày 29/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự quận T nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9, Thành phố Hồ Chí Minh; hoàn trả cho Bà Q 41.000.000 (bốn mươi một triệu) đồng tiền chênh lệch.

4. Nguyên đơn, bị đơn (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Những người tham gia tố tụng;
- VKSND khu vực 9- TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 9- TP. Hồ Chí Minh;
- UBND nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn;
- Lưu: HS + VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Thái

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Thái